

Số: ~~687~~/QĐ-CDKTCN

Vinh Phúc, ngày ~~05~~ tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng Trung cấp (Đợt 2-CS1) năm 2025

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT – CÔNG NGHỆ VINH PHÚC

Căn cứ Quyết định số: 1974/QĐ-BLĐTBXH ngày 29/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc sáp nhập Trường Cao đẳng nghề Vĩnh Phúc vào Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Vĩnh Phúc và đổi tên thành Trường Cao đẳng Kỹ thuật – Công nghệ Vĩnh Phúc;

Căn cứ thông tư số: 04/2022/TT- BLĐTBXH ngày 30/3/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy Mô - đun hoặc tín chỉ;

Căn cứ Kết quả của Hội đồng xét tốt nghiệp trình độ Trung cấp (Đợt 2-CS1) năm 2025,

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng Trung cấp (Đợt 2-CS1) năm 2025 cho **230** học sinh trình độ Trung cấp, khoá học 2023-2025, cụ thể như sau:

Stt	Ngành/ngành	Số lượng	Stt	Ngành/ngành	Số lượng
1	Kế toán doanh nghiệp	18	6	Tin học văn phòng	23
2	Kỹ thuật chế biến món ăn	55	7	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	37
3	Cắt gọt kim loại	14	8	Điện công nghiệp và dân dụng	16
4	Công nghệ ô tô	37	9	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	16
5	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	14			

(Có danh sách chi tiết kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, Hội đồng xét tốt nghiệp; Phòng Đào tạo; Phòng HC-TC; Phòng TT, KT, KĐCL; Phòng KH-TC và các học sinh có tên trong danh sách kèm theo căn cứ quyết định thực hiện.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Sở GD&ĐT (B/c);
- Lưu VT-ĐT.



HIỆU TRƯỞNG

TS. Hà Vũ Tuyền



UBND TỈNH VINH PHÚC

TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT - CÔNG NGHỆ VINH PHÚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP TRUNG CẤP ĐỢT 2-CS1 NĂM 2025

BẠC ĐÀO TẠO: TRUNG CẤP CHÍNH QUY

KHÓA HỌC: 2023 - 2025

(Kèm theo QĐ số: 687/QĐ-CDKTCN ngày 05 / 6. /2025 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Kỹ thuật-Công nghệ Vinh Phúc)

TT		Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Dân tộc	Lớp	Điểm TBC tích lũy		Xếp loại tốt nghiệp
									Thang điểm 10	Thang điểm 4	
TT	I. CHUYÊN NGÀNH: KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP										
1	1	Tạ Thị Lan	Anh	12/9/2008	Nữ	Vĩnh Phúc	Kinh	TC KTDN K26B	7,0	2,49	Trung bình
2	2	Nguyễn Hương	Giang	16/5/2008	Nữ	Vĩnh Phúc	Kinh	TC KTDN K26B	7,5	2,93	Khá
3	3	Trần Văn	Hào	06/8/1985	Nam	Vĩnh Phú	Kinh	TC KTDN K26B	7,3	2,88	Khá
4	4	Trần Ngọc	Hoàng	27/3/1987	Nam	Vĩnh Phúc	Kinh	TC KTDN K26B	6,9	2,54	Khá
5	5	Đường Thị Mai	Hương	28/02/2008	Nữ	Vĩnh Phúc	Kinh	TC KTDN K26B	6,7	2,28	Trung bình
6	6	Trần Thị	Hương	07/4/1971	Nữ	Tuyên Quang	Cao Lan	TC KTDN K26B	6,5	2,27	Trung bình
7	7	Nguyễn Anh	Hướng	12/4/1982	Nam	Vĩnh Phú	Kinh	TC KTDN K26B	6,5	2,25	Trung bình
8	8	Lê Khánh	Linh	29/02/2008	Nữ	Vĩnh Phúc	Kinh	TC KTDN K26B	7,4	2,78	Khá
9	9	Nguyễn Thị Trà	My	20/9/2008	Nữ	Vĩnh Phúc	Kinh	TC KTDN K26B	7,3	2,82	Khá
10	10	Phan Thế	Nghĩa	21/3/2008	Nam	Tuyên Quang	Cao Lan	TC KTDN K26B	6,4	2,25	Trung bình
11	11	Phan Thị	Oanh	15/3/2008	Nữ	Vĩnh Phúc	Kinh	TC KTDN K26B	6,7	2,28	Trung bình
12	12	Nguyễn Thu	Phương	03/4/2008	Nữ	Vĩnh Phúc	Kinh	TC KTDN K26B	7,0	2,60	Khá
13	13	Lê Văn	Quý	11/7/1971	Nam	Vĩnh Phúc	Kinh	TC KTDN K26B	6,3	2,16	Trung bình
14	14	Nguyễn Thị	Thảo	07/11/2008	Nữ	Vĩnh Phúc	Kinh	TC KTDN K26B	6,8	2,28	Trung bình
15	15	Nguyễn Thị Thu	Thủy	05/7/2008	Nữ	Vĩnh Phúc	Kinh	TC KTDN K26B	6,8	2,37	Trung bình
16	16	Lưu Thị	Trang	18/11/2008	Nữ	Vĩnh Phúc	Sán Dìu	TC KTDN K26B	6,7	2,36	Trung bình

TT		Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Dân tộc	Lớp	Điểm TBC tích lũy		Xếp loại tốt nghiệp
								Thang điểm 10	Thang điểm 4	
17	17	Trần Thị Minh Trang	16/4/2008	Nữ	Vĩnh Phúc	Kinh	TC KTDN K26B	7,6	2,91	Khá
18	18	Nguyễn Thị Vân	17/4/2008	Nữ	Vĩnh Phúc	Kinh	TC KTDN K26B	6,5	2,12	Trung bình
II. CHUYÊN NGÀNH: KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN										
19	1	Phùng Hà Anh	01/7/2007	Nữ	Vĩnh Phúc	Kinh	TC KTCBMA K4B1	7,3	2,74	Khá
20	2	Bùi Mai Ánh	01/5/2008	Nữ	Vĩnh Phúc	Kinh	TC KTCBMA K4B1	7,5	2,91	Khá
21	3	Khổng Ngọc Ánh	22/02/2008	Nữ	Vĩnh Phúc	Kinh	TC KTCBMA K4B1	6,8	2,45	Trung bình
22	4	Nguyễn Thị Hồng Ánh	19/3/2008	Nữ	Vĩnh Phúc	Kinh	TC KTCBMA K4B1	6,8	2,36	Trung bình
23	5	Hà Văn Bắc	20/12/1989	Nam	Thanh Hoá	Kinh	TC KTCBMA K4B1	7,0	2,57	Khá
24	6	Nguyễn Hoài Băng	21/11/2008	Nữ	Vĩnh Phúc	Kinh	TC KTCBMA K4B1	7,1	2,50	Khá
25	7	Đỗ Phương Chinh	22/11/2008	Nữ	Vĩnh Phúc	Kinh	TC KTCBMA K4B1	6,9	2,40	Trung bình
26	8	Lê Xuân Đoàn	07/01/2008	Nam	Vĩnh Phúc	Kinh	TC KTCBMA K4B1	6,8	2,41	Trung bình
27	9	Nguyễn Trung Đức	19/02/2007	Nam	Vĩnh Phúc	Kinh	TC KTCBMA K4B1	7,4	2,69	Khá
28	10	Nguyễn Văn Hải	10/6/2008	Nam	Vĩnh Phúc	Kinh	TC KTCBMA K4B1	7,1	2,71	Khá
29	11	Trần Thị Ngọc Hân	12/3/2008	Nữ	Tuyên Quang	Kinh	TC KTCBMA K4B1	7,1	2,48	Trung bình
30	12	Vũ Thanh Hiền	15/7/2008	Nữ	Vĩnh Phúc	Kinh	TC KTCBMA K4B1	7,0	2,47	Trung bình
31	13	Nguyễn Thị Huế	22/10/2008	Nữ	Vĩnh Phúc	Kinh	TC KTCBMA K4B1	7,2	2,69	Khá
32	14	Nguyễn Bá Sinh Hùng	07/10/2008	Nam	Phú Thọ	Kinh	TC KTCBMA K4B1	7,1	2,57	Khá
33	15	Hoàng Thuý Hường	03/6/2008	Nữ	Vĩnh Phúc	Kinh	TC KTCBMA K4B1	8,1	3,38	Giỏi
34	16	Nguyễn Hoàng Lan	10/4/2008	Nữ	Vĩnh Phúc	Kinh	TC KTCBMA K4B1	7,1	2,59	Khá
35	17	Vũ Nhật Linh	07/02/2008	Nữ	Vĩnh Phúc	Kinh	TC KTCBMA K4B1	7,1	2,74	Khá
36	18	Lục Thị Trà My	08/01/2008	Nữ	Tuyên Quang	Sán Dìu	TC KTCBMA K4B1	6,9	2,41	Trung bình
37	19	Phan Thị Hằng Nga	09/11/2008	Nữ	Vĩnh Phúc	Kinh	TC KTCBMA K4B1	7,9	3,19	Giỏi
38	20	Trần Thị Như Ngọc	16/7/2008	Nữ	Vĩnh Phúc	Kinh	TC KTCBMA K4B1	6,5	2,28	Trung bình
39	21	Đỗ Bích Nguyệt	23/02/2008	Nữ	Vĩnh Phúc	Sán Dìu	TC KTCBMA K4B1	7,1	2,57	Khá

TT		Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Dân tộc	Lớp	Điểm TBC tích lũy		Xếp loại tốt nghiệp
								Thang điểm 10	Thang điểm 4	
40	22	Lê Thị Hồng Nhung	08/10/2008	Nữ	Vĩnh Phúc	Kinh	TC KTCBMA K4B1	7,1	2,60	Khá
41	23	Nguyễn Trần Duy Phòng	31/12/2007	Nam	Vĩnh Phúc	Kinh	TC KTCBMA K4B1	6,5	2,29	Trung bình
42	24	Phạm Ngọc Thắng	15/6/1990	Nam	Vĩnh Phú	Kinh	TC KTCBMA K4B1	7,1	2,57	Khá
43	25	Lê Thị Thu	26/10/2008	Nữ	Vĩnh Phúc	Kinh	TC KTCBMA K4B1	7,2	2,62	Khá
44	26	Hàn Thu Thủy	04/3/2008	Nữ	Vĩnh Phúc	Kinh	TC KTCBMA K4B1	7,0	2,52	Khá
45	27	Hoàng Kim Thuyên	25/7/2008	Nữ	Vĩnh Phúc	Kinh	TC KTCBMA K4B1	7,2	2,66	Khá
46	28	Lê Thị Kiều Trang	06/10/2008	Nữ	Vĩnh Phúc	Kinh	TC KTCBMA K4B1	7,8	3,05	Giỏi
47	29	Nguyễn Thị Thu Trang	05/5/2008	Nữ	Vĩnh Phúc	Kinh	TC KTCBMA K4B1	7,1	2,60	Khá
48	30	Nguyễn Thị Xuân	18/6/2007	Nữ	Vĩnh Phúc	Sán Dìu	TC KTCBMA K4B1	7,5	2,86	Khá
49	31	Nguyễn Thị YẾN	09/12/1991	Nữ	Vĩnh Phú	Kinh	TC KTCBMA K4B1	7,2	2,66	Khá
50	32	Phùng Thị Kim YẾN	16/7/2008	Nữ	Vĩnh Phúc	Kinh	TC KTCBMA K4B1	7,1	2,62	Khá
51	1	Nguyễn Thị Vân Anh	31/10/2007	Nữ	Vĩnh Phúc	Kinh	TC KTCBMA K4B2	7,8	3,05	Giỏi
52	2	Đặng Thị Nguyệt Ánh	15/11/2008	Nữ	Vĩnh Phúc	Kinh	TC KTCBMA K4B2	7,1	2,60	Khá
53	3	Nguyễn Việt Cương	02/7/2008	Nam	Vĩnh Phúc	Kinh	TC KTCBMA K4B2	7,0	2,55	Khá
54	4	Nguyễn Đức Đáng	11/6/2005	Nam	Hà Nội	Kinh	TC KTCBMA K4B2	8,2	3,41	Giỏi
55	5	Chu Thị Dương	20/02/1986	Nữ	Vĩnh Phúc	Kinh	TC KTCBMA K4B2	8,1	3,21	Giỏi
56	6	Vũ Thị Hằng	24/02/2008	Nữ	Hà Nội	Kinh	TC KTCBMA K4B2	7,4	2,72	Khá
57	7	Bạch Quang Hanh	02/8/2008	Nam	Vĩnh Phúc	Kinh	TC KTCBMA K4B2	6,5	2,31	Trung bình
58	8	Diệp Thị Bích Hào	16/9/2007	Nữ	Vĩnh Phúc	Sán Dìu	TC KTCBMA K4B2	7,7	3,02	Giỏi
59	9	Vàng Trung Hiếu	19/01/2005	Nam	Hà Giang	Nùng	TC KTCBMA K4B2	7,9	3,22	Giỏi
60	10	Lê Quang Kim	30/7/2008	Nam	Vĩnh Phúc	Kinh	TC KTCBMA K4B2	6,9	2,41	Trung bình
61	11	Vũ Thị Kim Ngân	06/4/2008	Nữ	Vĩnh Phúc	Kinh	TC KTCBMA K4B2	7,4	2,88	Khá
62	12	Nguyễn Thị Ánh Ngọc	23/9/2008	Nữ	Vĩnh Phúc	Kinh	TC KTCBMA K4B2	6,8	2,38	Trung bình
63	13	Trương Thị Quỳnh Như	09/11/2007	Nữ	Đồng Nai	Sán Dìu	TC KTCBMA K4B2	7,3	2,74	Khá

TT		Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Dân tộc	Lớp	Điểm TBC tích lũy		Xếp loại tốt nghiệp
									Thang điểm 10	Thang điểm 4	
64	14	Đỗ Anh	Quân	14/11/2008	Nam	Phú Thọ	Kinh	TC KTCBMA K4B2	6,5	2,24	Trung bình
65	15	Nguyễn Hoàng	Quyên	04/4/2008	Nữ	Vĩnh Phúc	Kinh	TC KTCBMA K4B2	6,8	2,41	Trung bình
66	16	Đào Chiến	Thắng	02/01/2008	Nam	Vĩnh Phúc	Kinh	TC KTCBMA K4B2	7,1	2,52	Khá
67	17	Nguyễn Hữu	Thắng	21/10/2008	Nam	Vĩnh Phúc	Kinh	TC KTCBMA K4B2	6,4	2,21	Trung bình
68	18	Hoàng Thị	Thu	01/6/1981	Nữ	Vĩnh Phú	Kinh	TC KTCBMA K4B2	7,6	2,91	Khá
69	19	Phùng Thị Anh	Thư	03/02/2008	Nữ	Vĩnh Phúc	Kinh	TC KTCBMA K4B2	6,6	2,22	Trung bình
70	20	Nguyễn Thị Kiều	Trang	06/01/2008	Nữ	Vĩnh Phúc	Kinh	TC KTCBMA K4B2	7,2	2,67	Khá
71	21	Đào Việt	Tú	30/5/2008	Nam	Vĩnh Phúc	Kinh	TC KTCBMA K4B2	6,4	2,21	Trung bình
72	22	Trần Văn	Tuệ	13/9/2008	Nam	Hà Nội	Kinh	TC KTCBMA K4B2	6,6	2,22	Trung bình
73	23	Đỗ Thị Yến	Vy	22/02/2008	Nữ	Vĩnh Phúc	Kinh	TC KTCBMA K4B2	7,0	2,59	Khá

III. CHUYÊN NGÀNH: CẮT GỌT KIM LOẠI

74	1	Nguyễn Hoàng	Anh	01/7/2008	Nam	Vĩnh Phúc	Kinh	TC CGKL K5B	6,7	2,22	Trung bình
75	2	Trần Lương	Bằng	08/5/2008	Nam	Vĩnh Phúc	Kinh	TC CGKL K5B	7,6	2,87	Khá
76	3	Hoàng Chí	Công	17/3/2008	Nam	Vĩnh Phúc	Kinh	TC CGKL K5B	7,4	2,90	Khá
77	4	Trần Ngọc	Đông	22/3/2008	Nam	Vĩnh Phúc	Kinh	TC CGKL K5B	6,6	2,14	Trung bình
78	5	Đào Đức	Duy	04/7/2008	Nam	Vĩnh Phúc	Kinh	TC CGKL K5B	7,2	2,72	Khá
79	6	Phạm Văn	Duy	13/6/2008	Nam	Vĩnh Phúc	Kinh	TC CGKL K5B	7,9	3,13	Giỏi
80	7	Trần Gia	Hùng	09/11/2007	Nam	Vĩnh Phúc	Kinh	TC CGKL K5B	6,7	2,45	Trung bình
81	8	Hoàng Nhật	Khánh	10/3/2008	Nam	Tuyên Quang	Cao Lan	TC CGKL K5B	6,8	2,43	Trung bình
82	9	Lê Anh	Khoa	25/9/2008	Nam	Vĩnh Phúc	Kinh	TC CGKL K5B	7,0	2,61	Khá
83	10	Đào Công	Minh	07/10/2008	Nam	Vĩnh Phúc	Kinh	TC CGKL K5B	7,0	2,62	Khá
84	11	Trần Quang	Minh	18/9/2008	Nam	Vĩnh Phúc	Kinh	TC CGKL K5B	7,5	2,94	Khá
85	12	Trần Mạnh	Thắng	02/10/2007	Nam	Vĩnh Phúc	Kinh	TC CGKL K5B	7,0	2,52	Khá
86	13	Nguyễn Văn	Tường	16/7/2008	Nam	Vĩnh Phúc	Kinh	TC CGKL K5B	8,1	3,23	Giỏi

TT		Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Dân tộc	Lớp	Điểm TBC tích lũy		Xếp loại tốt nghiệp
								Thang điểm 10	Thang điểm 4	
87	14	Hoàng Văn Viên	10/6/2008	Nam	Tuyên Quang	Cao Lan	TC CGKL K5B	6,9	2,42	Trung bình
IV.CHUYÊN NGÀNH: CÔNG NGHỆ Ô TÔ										
88	1	Nguyễn Thế An	29/5/2008	Nam	Vĩnh Phúc	Kinh	TC CNOT K5B1	7,3	2,75	Khá
89	2	Lê Hoàng Anh	05/11/2008	Nam	Vĩnh Phúc	Kinh	TC CNOT K5B1	6,7	2,34	Trung bình
90	3	Lê Tuấn Anh	10/10/2006	Nam	Vĩnh Phúc	Sán Dìu	TC CNOT K5B1	7,0	2,58	Khá
91	4	Nguyễn Văn Bình	08/9/2008	Nam	Vĩnh Phúc	Kinh	TC CNOT K5B1	7,3	2,84	Khá
92	5	Nguyễn Đức Đạt	09/3/2008	Nam	Lai Châu	Kinh	TC CNOT K5B1	6,5	2,12	Trung bình
93	6	Lê Văn Đức	28/7/2008	Nam	Vĩnh Phúc	Kinh	TC CNOT K5B1	6,5	2,24	Trung bình
94	7	Nguyễn Đức Duy	22/02/2008	Nam	Phú Thọ	Kinh	TC CNOT K5B1	7,6	2,90	Khá
95	8	Triệu Việt Hậu	19/9/2008	Nam	Vĩnh Phúc	Kinh	TC CNOT K5B1	7,4	2,70	Khá
96	9	Trần Duy Hùng	10/8/2008	Nam	Vĩnh Phúc	Kinh	TC CNOT K5B1	7,5	3,01	Giỏi
97	10	Nguyễn Trung Kiên	18/6/2008	Nam	Vĩnh Phúc	Kinh	TC CNOT K5B1	8,0	3,30	Giỏi
98	11	Nguyễn Tiến Nam	12/10/2008	Nam	Vĩnh Phúc	Kinh	TC CNOT K5B1	7,3	2,84	Khá
99	12	Trần Văn Ngọc	10/12/2008	Nam	Vĩnh Phúc	Kinh	TC CNOT K5B1	6,8	2,42	Trung bình
100	13	Nguyễn Như Phát	30/5/2008	Nam	Đồng Nai	Kinh	TC CNOT K5B1	6,5	2,24	Trung bình
101	14	Hoàng Minh Thế	21/5/2008	Nam	Vĩnh Phúc	Sán Dìu	TC CNOT K5B1	7,1	2,78	Khá
102	15	Nguyễn Văn Thông	11/12/2008	Nam	Vĩnh Phúc	Kinh	TC CNOT K5B1	7,1	2,61	Khá
103	16	Phùng Duy Trường	12/02/2008	Nam	Vĩnh Phúc	Kinh	TC CNOT K5B1	7,4	2,84	Khá
104	17	Đặng Thanh Tùng	03/11/2007	Nam	Vĩnh Phúc	Kinh	TC CNOT K5B1	6,5	2,18	Trung bình
105	1	Trịnh Việt Anh	14/11/2006	Nam	Vĩnh Phúc	Kinh	TC CNOT K5B2	6,7	2,16	Trung bình
106	2	Dương Văn Chiến	11/02/2008	Nam	Vĩnh Phúc	Kinh	TC CNOT K5B2	8,0	3,19	Giỏi
107	3	Nguyễn Văn Chiến	25/02/2007	Nam	Hà Nội	Kinh	TC CNOT K5B2	7,2	2,61	Khá
108	4	Phan Văn Đại	26/11/2008	Nam	Vĩnh Phúc	Kinh	TC CNOT K5B2	7,1	2,72	Khá
109	5	Đỗ Nhật Đạt	10/02/2008	Nam	Vĩnh Phúc	Kinh	TC CNOT K5B2	6,6	2,36	Trung bình

TT		Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Dân tộc	Lớp	Điểm TBC tích lũy		Xếp loại tốt nghiệp
									Thang điểm 10	Thang điểm 4	
110	6	Nguyễn Anh	Đức	19/7/2008	Nam	Vĩnh Phúc	Kinh	TC CNOT K5B2	6,9	2,46	Trung bình
111	7	Trần Anh	Đức	04/6/2008	Nam	Vĩnh Phúc	Kinh	TC CNOT K5B2	7,3	2,73	Khá
112	8	Lê Anh	Giang	13/3/1993	Nam	Vĩnh Phú	Kinh	TC CNOT K5B2	7,0	2,63	Khá
113	9	Vũ Trường	Giang	02/10/2008	Nam	Vĩnh Phúc	Kinh	TC CNOT K5B2	7,1	2,64	Khá
114	10	Trần Hùng	Hải	28/9/2008	Nam	Vĩnh Phúc	Kinh	TC CNOT K5B2	6,7	2,45	Trung bình
115	11	Nguyễn Ngọc	Khanh	07/01/2008	Nam	Vĩnh Phúc	Kinh	TC CNOT K5B2	6,9	2,43	Trung bình
116	12	Ngô Hoàng	Long	27/12/2007	Nam	Hà Nội	Kinh	TC CNOT K5B2	6,6	2,36	Trung bình
117	13	Phùng Ngọc	Phi	07/3/2007	Nam	Vĩnh Phúc	Kinh	TC CNOT K5B2	7,1	2,55	Khá
118	14	Phan Thành	Tâm	30/12/2008	Nam	Vĩnh Phúc	Kinh	TC CNOT K5B2	7,1	2,63	Khá
119	15	Đỗ Minh	Tăng	07/5/2008	Nam	Hà Nội	Kinh	TC CNOT K5B2	8,0	3,18	Giỏi
120	16	Nguyễn Công	Tạo	03/01/2007	Nam	Hà Nội	Kinh	TC CNOT K5B2	7,4	2,73	Khá
121	17	Nguyễn Quang	Thái	12/10/2008	Nam	Vĩnh Phúc	Kinh	TC CNOT K5B2	6,6	2,21	Trung bình
122	18	Nguyễn Tiến	Thắng	26/7/2008	Nam	Vĩnh Phúc	Kinh	TC CNOT K5B2	7,0	2,49	Trung bình
123	19	Lê Khánh	Toàn	23/9/2008	Nam	Vĩnh Phúc	Kinh	TC CNOT K5B2	6,9	2,49	Trung bình
124	20	Trần Văn	Việt	28/3/2008	Nam	Vĩnh Phúc	Kinh	TC CNOT K5B2	7,5	2,85	Khá
V. CHUYÊN NGÀNH: KỸ THUẬT SỬA CHỮA, LẮP RÁP MÁY TÍNH											
125	1	Nguyễn Thị Lan	Anh	06/02/2008	Nữ	Hà Nội	Kinh	TC KTSC&LRMT K4B	7,6	2,96	Khá
126	2	Nguyễn Văn Bình	Dương	24/6/2008	Nam	Vĩnh Phúc	Kinh	TC KTSC&LRMT K4B	6,4	2,33	Trung bình
127	3	Phùng Văn	Hiếu	16/10/2008	Nam	Vĩnh Phúc	Kinh	TC KTSC&LRMT K4B	6,5	2,33	Trung bình
128	4	Đỗ Quang	Hung	26/5/2008	Nam	Vĩnh Phúc	Kinh	TC KTSC&LRMT K4B	6,8	2,50	Khá
129	5	Phùng Quốc	Hung	31/01/2008	Nam	Bình Dương	Kinh	TC KTSC&LRMT K4B	6,3	2,15	Trung bình
130	6	Nguyễn Tuấn	Huy	10/10/2008	Nam	Vĩnh Phúc	Kinh	TC KTSC&LRMT K4B	6,3	2,19	Trung bình
131	7	Đỗ Cao Hoàng	Ngọc	13/02/2008	Nam	Vĩnh Phúc	Kinh	TC KTSC&LRMT K4B	7,8	3,22	Giỏi
132	8	Lâm Thị	Nhung	06/02/2008	Nữ	Tuyên Quang	Sán Dìu	TC KTSC&LRMT K4B	8,1	3,28	Giỏi

TT		Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Dân tộc	Lớp	Điểm TBC tích lũy		Xếp loại tốt nghiệp
								Thang điểm 10	Thang điểm 4	
133	9	Đinh Xuân Thanh	19/5/2007	Nữ	Vĩnh Phúc	Kinh	TC KTSC&LRMT K4B	7,2	2,63	Khá
134	10	Đàm Tiến Thịnh	30/01/2008	Nam	Lào Cai	Kinh	TC KTSC&LRMT K4B	6,6	2,52	Khá
135	11	Phùng Văn Tiến	20/11/2008	Nam	Vĩnh Phúc	Kinh	TC KTSC&LRMT K4B	6,5	2,26	Trung bình
136	12	Hà Anh Tuấn	14/12/2008	Nam	Vĩnh Phúc	Kinh	TC KTSC&LRMT K4B	6,6	2,28	Trung bình
137	13	Nguyễn Anh Tuấn	15/02/2008	Nam	Vĩnh Phúc	Kinh	TC KTSC&LRMT K4B	7,0	2,61	Khá
138	14	Phạm Việt Tùng	13/11/2008	Nam	TP Hồ Chí Minh	Kinh	TC KTSC&LRMT K4B	7,0	2,52	Khá
VI. CHUYÊN NGÀNH: TIN HỌC VĂN PHÒNG										
139	1	Lê Thị Lan Anh	05/10/2007	Nữ	Vĩnh Phúc	Kinh	TC THVP K8B	6,8	2,42	Trung bình
140	2	Nguyễn Ngọc Anh	03/8/2008	Nữ	Vĩnh Phúc	Kinh	TC THVP K8B	7,7	2,98	Khá
141	3	Phạm Thị Vân Anh	23/10/2008	Nữ	Vĩnh Phúc	Kinh	TC THVP K8B	6,8	2,33	Trung bình
142	4	Phùng Đức Chiến	22/02/2008	Nam	Vĩnh Phúc	Kinh	TC THVP K8B	7,3	2,69	Khá
143	5	Lê Hà Giang	16/8/2008	Nữ	Vĩnh Phúc	Kinh	TC THVP K8B	6,9	2,47	Trung bình
144	6	Trần Thu Hào	04/5/2008	Nữ	Vĩnh Phúc	Kinh	TC THVP K8B	7,4	2,78	Khá
145	7	Trần Thị Hồng	09/3/2008	Nữ	Vĩnh Phúc	Kinh	TC THVP K8B	7,0	2,51	Khá
146	8	Trịnh Mạnh Hùng	26/10/2008	Nam	Vĩnh Phúc	Kinh	TC THVP K8B	7,1	2,53	Khá
147	9	Nguyễn Nam Khánh	04/02/2008	Nam	Hà Tây	Kinh	TC THVP K8B	6,5	2,20	Trung bình
148	10	Trần Anh Khoa	06/4/2008	Nam	Vĩnh Phúc	Kinh	TC THVP K8B	7,0	2,64	Khá
149	11	Nguyễn Thị Hải Linh	28/11/2007	Nữ	Vĩnh Phúc	Kinh	TC THVP K8B	6,0	2,16	Trung bình
150	12	Nguyễn Thị Mai	14/5/2006	Nữ	Vĩnh Phúc	Kinh	TC THVP K8B	6,9	2,45	Trung bình
151	13	Nguyễn Thị Minh Phương	12/01/2008	Nữ	Vĩnh Phúc	Kinh	TC THVP K8B	7,0	2,47	Trung bình
152	14	Lưu Thị Thanh Tâm	18/7/2008	Nữ	Vĩnh Phúc	Sán Dìu	TC THVP K8B	7,2	2,58	Khá
153	15	Trần Thị Thu Thảo	27/10/2008	Nữ	Vĩnh Phúc	Kinh	TC THVP K8B	7,1	2,55	Khá
154	16	Nguyễn Thị Minh Thu	03/3/2007	Nữ	Vĩnh Phúc	Kinh	TC THVP K8B	8,1	3,27	Giỏi
155	17	Nguyễn Duy Thường	04/8/2008	Nam	Tuyên Quang	Cao Lan	TC THVP K8B	6,8	2,47	Trung bình

TT		Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Dân tộc	Lớp	Điểm TBC tích lũy		Xếp loại tốt nghiệp
								Thang điểm 10	Thang điểm 4	
156	18	Trần Quốc Toàn	12/8/2008	Nam	Tuyên Quang	Cao Lan	TC THVP K8B	7,3	2,73	Khá
157	19	Nguyễn Thị Thùy Trâm	17/10/2008	Nữ	Vĩnh Phúc	Kinh	TC THVP K8B	7,1	2,60	Khá
158	20	Phùng Thị Thùy Trang	24/01/2008	Nữ	Vĩnh Phúc	Kinh	TC THVP K8B	6,8	2,53	Khá
159	21	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	13/10/2008	Nữ	Vĩnh Phúc	Kinh	TC THVP K8B	7,0	2,56	Khá
160	22	Lê Thu Phương Tuyết	29/12/2008	Nữ	Vĩnh Phúc	Kinh	TC THVP K8B	6,7	2,40	Trung bình
161	23	Nguyễn Ngọc Vang	03/12/2008	Nam	Vĩnh Phúc	Kinh	TC THVP K8B	7,4	2,73	Khá
VII. CHUYÊN NGÀNH: CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ										
162	1	Đỗ Duy Anh	07/01/2008	Nam	Vĩnh Phúc	Kinh	TC CNKT Đ-ĐT K21B	7,4	2,78	Khá
163	2	Trần Thế Anh	30/11/2007	Nam	Vĩnh Phúc	Sán Dìu	TC CNKT Đ-ĐT K21B	7,7	2,97	Khá
164	3	Nguyễn Việt Bắc	07/10/2008	Nam	Vĩnh Phúc	Kinh	TC CNKT Đ-ĐT K21B	6,6	2,24	Trung bình
165	4	Đinh Quang Bình	11/11/2008	Nam	Vĩnh Phúc	Kinh	TC CNKT Đ-ĐT K21B	7,4	2,81	Khá
166	5	Cao Duy Đại	22/12/2007	Nam	Vĩnh Phúc	Kinh	TC CNKT Đ-ĐT K21B	7,2	2,65	Khá
167	6	Nguyễn Hải Đăng	22/9/2008	Nam	Vĩnh Phúc	Kinh	TC CNKT Đ-ĐT K21B	7,0	2,56	Khá
168	7	Nguyễn Văn Dũng	06/01/2008	Nam	Vĩnh Phúc	Kinh	TC CNKT Đ-ĐT K21B	6,6	2,37	Trung bình
169	8	Phùng Tiến Dũng	09/4/2008	Nam	Vĩnh Phúc	Kinh	TC CNKT Đ-ĐT K21B	7,2	2,70	Khá
170	9	Dương Mạnh Duy	15/7/2008	Nam	Vĩnh Phúc	Kinh	TC CNKT Đ-ĐT K21B	6,7	2,29	Trung bình
171	10	Đặng Xuân Hải	07/10/2008	Nam	Vĩnh Phúc	Kinh	TC CNKT Đ-ĐT K21B	7,8	3,17	Giỏi
172	11	Phạm Đức Hiền	17/12/2008	Nam	Vĩnh Phúc	Kinh	TC CNKT Đ-ĐT K21B	6,9	2,52	Khá
173	12	Lục Văn Hoàng	16/9/2008	Nam	Tuyên Quang	Sán Dìu	TC CNKT Đ-ĐT K21B	6,9	2,49	Trung bình
174	13	Triệu Huy Hoàng	25/9/2008	Nam	Vĩnh Phúc	Kinh	TC CNKT Đ-ĐT K21B	6,7	2,43	Trung bình
175	14	Đinh Duy Hoàng	25/8/2008	Nam	Vĩnh Phúc	Kinh	TC CNKT Đ-ĐT K21B	7,1	2,63	Khá
176	15	Đỗ Quang Huân	19/10/2007	Nam	Vĩnh Phúc	Kinh	TC CNKT Đ-ĐT K21B	5,9	2,25	Trung bình
177	16	Vũ Văn Khải	08/11/2008	Nam	Phú Thọ	Kinh	TC CNKT Đ-ĐT K21B	7,2	2,62	Khá
178	17	Vũ Tuấn Khanh	19/4/2008	Nam	Vĩnh Phúc	Kinh	TC CNKT Đ-ĐT K21B	7,6	2,94	Khá

TT		Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Dân tộc	Lớp	Điểm TBC tích lũy		Xếp loại tốt nghiệp
									Thang điểm 10	Thang điểm 4	
179	18	Dương Ngọc	Khánh	24/5/2007	Nam	Tuyên Quang	Dao	TC CNKT Đ-ĐT K21B	6,9	2,46	Trung bình
180	19	Trần Duy	Khánh	16/11/2008	Nam	Vĩnh Phúc	Kinh	TC CNKT Đ-ĐT K21B	6,9	2,46	Trung bình
181	20	Nguyễn Tuấn	Kiệt	21/02/2008	Nam	Tuyên Quang	Kinh	TC CNKT Đ-ĐT K21B	6,8	2,40	Trung bình
182	21	Lưu Thị Xuân	Mai	07/5/2008	Nữ	Vĩnh Phúc	Sán Diu	TC CNKT Đ-ĐT K21B	7,1	2,63	Khá
183	22	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	12/7/2008	Nữ	Vĩnh Phúc	Kinh	TC CNKT Đ-ĐT K21B	7,5	2,87	Khá
184	23	Đỗ Hải	Minh	23/4/2008	Nam	Vĩnh Phúc	Kinh	TC CNKT Đ-ĐT K21B	6,3	2,13	Trung bình
185	24	Trần Minh	Nghĩa	18/10/2008	Nam	Vĩnh Phúc	Sán Diu	TC CNKT Đ-ĐT K21B	6,9	2,54	Khá
186	25	Cao Duy	Nhật	07/4/2008	Nam	Vĩnh Phúc	Kinh	TC CNKT Đ-ĐT K21B	7,0	2,48	Trung bình
187	26	Phùng Hoàng	Phương	13/10/2008	Nam	Tuyên Quang	Dao	TC CNKT Đ-ĐT K21B	6,9	2,43	Trung bình
188	27	Nguyễn Hồng	Quân	10/7/2007	Nam	Vĩnh Phúc	Kinh	TC CNKT Đ-ĐT K21B	6,1	2,02	Trung bình
189	28	Nguyễn Duy	Thắng	10/12/2007	Nam	Vĩnh Phúc	Sán Diu	TC CNKT Đ-ĐT K21B	6,7	2,40	Trung bình
190	29	Trần Văn	Thắng	29/10/2008	Nam	Tuyên Quang	Sán Diu	TC CNKT Đ-ĐT K21B	7,2	2,73	Khá
191	30	Phạm Huyền	Thương	09/7/2008	Nữ	Vĩnh Phúc	Kinh	TC CNKT Đ-ĐT K21B	7,9	3,21	Giỏi
192	31	Trần Xuân	Thủy	30/4/2007	Nam	Vĩnh Phúc	Sán Diu	TC CNKT Đ-ĐT K21B	7,2	2,67	Khá
193	32	Nguyễn Xuân	Tinh	05/7/2008	Nam	Tuyên Quang	Sán Diu	TC CNKT Đ-ĐT K21B	6,7	2,46	Trung bình
194	33	Phùng Minh	Tú	28/02/2008	Nam	Vĩnh Phúc	Kinh	TC CNKT Đ-ĐT K21B	6,9	2,44	Trung bình
195	34	Phạm Gia	Tự	24/6/2008	Nam	Tuyên Quang	Kinh	TC CNKT Đ-ĐT K21B	8,0	3,24	Giỏi
196	35	Nguyễn Anh	Tuấn	09/12/2008	Nam	Vĩnh Phúc	Kinh	TC CNKT Đ-ĐT K21B	7,4	2,94	Khá
197	36	Nguyễn Văn	Tuyền	26/9/2008	Nam	Vĩnh Phúc	Kinh	TC CNKT Đ-ĐT K21B	7,2	2,70	Khá
198	37	Ngô Nguyên	Vũ	14/12/2008	Nam	Vĩnh Phúc	Kinh	TC CNKT Đ-ĐT K21B	6,9	2,44	Trung bình
VIII.CHUYÊN NGÀNH: ĐIỆN CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG											
199	1	Đỗ Đông	Dương	19/7/2008	Nam	Vĩnh Phúc	Kinh	TC CNDD K21B	7,0	2,71	Khá
200	2	Đỗ Văn	Duy	27/9/1988	Nam	Hà Nội	Kinh	TC CNDD K21B	7,0	2,59	Khá
201	3	Triệu Khánh	Duy	14/6/2008	Nam	Vĩnh Phúc	Kinh	TC CNDD K21B	7,1	2,55	Khá

TT		Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Dân tộc	Lớp	Điểm TBC tích lũy		Xếp loại tốt nghiệp
									Thang điểm 10	Thang điểm 4	
202	4	Trần Minh	Hiếu	03/10/2007	Nam	Phú Thọ	Kinh	TC CNDD K21B	6,8	2,53	Khá
203	5	Diệp Quang	Huy	23/9/2007	Nam	Tuyên Quang	Sán Dìu	TC CNDD K21B	7,3	2,79	Khá
204	6	Dương Văn	Khánh	06/4/1991	Nam	Vĩnh Phú	Kinh	TC CNDD K21B	7,5	2,83	Khá
205	7	Nguyễn Ngọc	Lâm	16/3/2008	Nam	Vĩnh Phúc	Kinh	TC CNDD K21B	6,9	2,50	Khá
206	8	Phan Văn	Lâm	23/8/2008	Nam	Vĩnh Phúc	Kinh	TC CNDD K21B	7,2	2,71	Khá
207	9	Khuất Thành	Nam	05/6/1992	Nam	Vĩnh Phúc	Kinh	TC CNDD K21B	7,0	2,70	Khá
208	10	Nguyễn Phương	Nam	04/02/2008	Nam	Vĩnh Phúc	Kinh	TC CNDD K21B	7,0	2,55	Khá
209	11	Đinh Văn	Sáng	17/3/2008	Nam	Vĩnh Phúc	Kinh	TC CNDD K21B	7,2	2,79	Khá
210	12	Đỗ Tiến	Thành	27/8/2007	Nam	Phú Thọ	Kinh	TC CNDD K21B	8,2	3,41	Giỏi
211	13	Chu Văn	Trường	30/10/2006	Nam	Vĩnh Phúc	Sán Dìu	TC CNDD K21B	7,5	2,94	Khá
212	14	Nguyễn Văn	Trường	24/8/1990	Nam	Vĩnh Phú	Kinh	TC CNDD K21B	7,2	2,62	Khá
213	15	Nguyễn Văn	Tuấn	04/01/1986	Nam	Vĩnh Phúc	Kinh	TC CNDD K21B	7,1	2,74	Khá
214	16	Trần Văn	Tuyên	14/4/2008	Nam	Tuyên Quang	Sán Dìu	TC CNDD K21B	8,1	3,32	Giỏi
IX. CHUYÊN NGÀNH: KỸ THUẬT MÁY LẠNH VÀ ĐIỀU HOÀ KHÔNG KHÍ											
215	1	Hoàng Quốc	Chính	13/9/2007	Nam	Vĩnh Phúc	Kinh	TC KTMLKK K8B	7,2	2,68	Khá
216	2	Trần Hải	Đăng	29/9/2008	Nam	Vĩnh Phúc	Kinh	TC KTMLKK K8B	7,1	2,65	Khá
217	3	Nguyễn Quang	Đạt	13/8/2008	Nam	Vĩnh Phúc	Kinh	TC KTMLKK K8B	7,4	2,94	Khá
218	4	Nguyễn Quang	Dũng	29/5/2008	Nam	Vĩnh Phúc	Kinh	TC KTMLKK K8B	6,5	2,24	Trung bình
219	5	Nguyễn Việt	Dũng	28/5/2008	Nam	Vĩnh Phúc	Kinh	TC KTMLKK K8B	6,7	2,42	Trung bình
220	6	Nguyễn Quang	Giang	15/7/2008	Nam	Vĩnh Phúc	Kinh	TC KTMLKK K8B	7,2	2,72	Khá
221	7	Hoàng Trung	Hiếu	26/8/2008	Nam	Vĩnh Phúc	Kinh	TC KTMLKK K8B	7,4	2,74	Khá
222	8	Phùng Quang	Hiếu	14/12/2008	Nam	Vĩnh Phúc	Kinh	TC KTMLKK K8B	6,9	2,57	Khá
223	9	Nguyễn Huy	Hoàng	31/3/2008	Nam	Vĩnh Phúc	Kinh	TC KTMLKK K8B	7,6	3,01	Giỏi
224	10	Lê Đức	Lâm	26/12/2008	Nam	Vĩnh Phúc	Kinh	TC KTMLKK K8B	7,0	2,53	Khá

TT		Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Dân tộc	Lớp	Điểm TBC tích lũy		Xếp loại tốt nghiệp
								Thang điểm 10	Thang điểm 4	
225	11	Nguyễn Văn Lâm	09/10/2007	Nam	Vĩnh Phúc	Kinh	TC KTMLKK K8B	6,5	2,11	Trung bình
226	12	Đường Thiện Minh	24/02/2008	Nam	TP Hồ Chí Minh	Kinh	TC KTMLKK K8B	6,5	2,35	Trung bình
227	13	Hoàng Phương Nam	06/5/2008	Nam	Vĩnh Phúc	Tày	TC KTMLKK K8B	7,3	2,65	Khá
228	14	Phùng Tiến Ngọc	17/02/2008	Nam	Vĩnh Phúc	Kinh	TC KTMLKK K8B	6,9	2,63	Khá
229	15	Nguyễn Văn Phúc	11/7/2008	Nam	Vĩnh Phúc	Kinh	TC KTMLKK K8B	7,2	2,69	Khá
230	16	Nguyễn Quang Vũ	10/12/2008	Nam	Vĩnh Phúc	Kinh	TC KTMLKK K8B	6,7	2,39	Trung bình

(Tổng cộng danh sách có 230 học sinh tốt nghiệp).